

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Căn cứ văn bản số 2706/BXD-KTQLXD ngày 26/4/2025 của Bộ Xây dựng về việc hỗ trợ triển khai Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Xét hồ sơ đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đề ngày 14/5/2025 của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình giao thông 2; Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 29/5/2025 giữa các thành viên đoàn đánh giá và Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình giao thông 2.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108310 cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 20 tháng 01 năm 2025 do Phòng đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: số 28 Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.35110242

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và kiểm định chất lượng công trình.**

Địa chỉ phòng thí nghiệm: số 28 Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 53

3. Giấy chứng nhận này bổ sung danh mục chỉ tiêu thí nghiệm và có hiệu lực theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 269/GCN-BXD ngày 30/06/2023 của Bộ Xây dựng.

Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình giao thông 2 chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai; tham gia hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Sở Xây dựng không chịu trách nhiệm về những điều kiện hoạt động thí nghiệm đã được cơ quan, người có thẩm quyền khác đánh giá, cấp hoặc giải quyết trước đó./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình giao thông 2;
- Bộ Xây dựng; | (để báo cáo)
- Đ/c Giám đốc Sở XD;
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ Sở;
- Lưu: VT, GĐCL (H.N.Duy-05b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thế Công

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM BỔ SUNG
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 53**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số /GCN-SXD ngày tháng 6 năm 2025)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
I	CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ ĐẤT	
1	Khối lượng riêng/tỷ trọng	TB 10102-2023
2	Độ ẩm và độ hút ẩm	TB 10102-2023
3	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TB 10102-2023
4	Thành phần hạt	TB 10102-2023
5	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TB 10102-2023
6	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TB 10102-2023
7	Hệ số cố kết ngang và hệ số cố kết đứng	TB 10102-2023
8	Độ chặt tiêu chuẩn	TB 10102-2023
9	Khối lượng thể tích/dung trọng	TB 10102-2023
10	Hàm lượng hữu cơ	TB 10102-2023
11	Hàm lượng muối	TB 10102-2023
12	Các đặc trưng trương nở của đất	TB 10102-2023
13	Các đặc trưng co ngót của đất	TB 10102-2023
14	Đặc trưng tan rã của đất	TB 10102-2023
15	Đặc trưng lún ướt	TB 10102-2023
16	Hệ số thấm K của đất và cát	TB 10102-2023
17	Sức kháng cắt không cố kết - không thoát nước và cố kết - thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục (UU, CU, CD)	TB 10102-2023
18	Xác định độ bền nén của đất trong điều kiện có nở hông	TB 10102-2023
19	Chỉ số CBR của đất, đá dăm	TB 10102-2023
20	Đảm nén đất, đá dăm	TB 10102-2023
21	Mô đun đàn hồi đất, đất gia cố, cấp phối đá dăm	TB 10102-2023
22	Góc nghỉ của đất rời	TB 10102-2023
23	Khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TB 10102-2023
II	VẬT LIỆU: CÁT, ĐÁ DẪM, SỎI, CẤP PHỐI	
24	Thành phần hạt và mô đun độ lớn	TB 10102-2023
25	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TB 10115-2023
26	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút ẩm của đá gốc và cốt liệu lớn	TB 10102-2023; TB 10115-2023
27	Khối lượng thể tích xốp và độ xốp	TB 10102-2023
28	Độ ẩm	TB 10102-2023; TB 10115-2023
29	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét trong cốt liệu nhỏ	TB 10102-2023; TB 10115-2023
30	Lượng tạp chất hữu cơ	TB 10102-2023
31	Thí nghiệm đá cường độ (kháng nén, kháng kéo) và hệ số hoá mềm của đá gốc	TB 10115-2023
32	Độ nén dập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TB 10115-2023
33	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TB 10102-2023; TB 10115-2023

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
34	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TB 10102-2023
35	Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TB 10102-2023; TB 10115-2023
36	Xác định độ góc cạnh của cát	TB 10102-2023
37	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ	TB 10102-2023; TB 10115-2023
38	Xác định cường độ kéo khi ép chèn của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TB 10102-2023; TB 10115-2023
39	Xác định độ góc cạnh đối với cốt liệu lớn	TB 10102-2023
III	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
40	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TB 10018-2018
41	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (VST)	TB 10018-2018
42	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT và CPTu)	TB 10018-2018

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu thí nghiệm dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng. Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.